

CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tháng 03 năm 2021

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 42

CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL

Số 2 Chùa Bộc, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Hanel (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đình Vinh	Chủ tịch
Bà Bùi Thị Hải Yến	Thành viên
Bà Nguyễn Minh Trang	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Bùi Thị Hải Yến	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Minh Trang	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

Bà Bùi Thị Hải Yến	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Lãnh đạo được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Lãnh đạo đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính riêng, tình hình hoạt động riêng của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.


Ban Lãnh đạo cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL

Số 2 Chùa Bộc, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Lãnh đạo, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Lãnh đạo, 



Bùi Thị Hải Yến

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021

Số: 168 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hanel**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Hanel (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2021, từ trang 06 đến trang 42 bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là “báo cáo tài chính riêng”).

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đang ghi nhận Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển N&G (gọi tắt là “N&G”) là 102.920.788.809 VND, khoản phải thu đã quá hạn thanh toán lâu ngày, Công ty chưa trích lập dự phòng. Đồng thời, theo xác nhận nợ của N&G, giá trị của khoản phải thu này đang chênh lệch 22.920.788.809 VND chưa được hai bên thống nhất (Thuyết minh số 9). Nếu thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản nợ tồn đọng này thì Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2020 tăng thêm 24 tỷ VND (năm 2019 tăng thêm 16,0 tỷ VND, năm 2018 tăng 62,92 tỷ VND); trên Bảng cân đối kế toán riêng; chỉ tiêu Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi sẽ tăng và chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sẽ giảm đi cùng số tiền 102,92 tỷ VND.

Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính của các khoản đầu tư vào Công ty sau: Công ty Cổ phần Điện tử Hưng Phát, Công ty Cổ phần Phần mềm và Truyền thông Hanel, Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Việt, Công ty TNHH Tiếp vận Thăng Long (Công ty liên doanh, liên kết) và Công ty Cổ phần Đầu tư Hanpad, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển N&G, Công ty Cổ phần Viễn thông Hà Nội, Công ty Cổ phần Tân Tạo - Hanel, Công ty Cổ phần Tự động hóa và Cơ khí điện tử Hanel (các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác). Tại ngày 31/12/2020, tổng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư trên là 23.879.663.948 VND; giá trị dự phòng giảm giá các khoản đầu tư trên đã được trích lập là 2.240.140.663 VND. Chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính cũng như các điều chỉnh cần thiết bổ sung (nếu có) và ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đang ghi nhận Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang - Dự án xây dựng bản đồ số, hệ thống khai thác dữ liệu giám sát hành trình và sản giao dịch vận tải với số tiền 32.449.798.647 VND; trong đó có 16.483.438.691 VND là các chi phí đã phát sinh từ năm 2016, 2017 tuy nhiên chưa ký được các hợp đồng đầu ra tương ứng. Theo đó, chúng tôi không thể đánh giá được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số dư các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) và ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty.

Công ty đang ghi nhận tiền thuê đất phải nộp bổ sung năm 2018 và 2019 tại Khu công nghiệp Sài Đồng B theo Thông báo số 6138/TB-CCT-TB&TK ngày 31/3/2020 của Chi cục Thuế quận Long Biên vào Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2020 mà không thực hiện điều chỉnh hồi tố số tiền 15.538.280.625 VND. Nếu áp dụng theo các quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 29 thì kết quả kinh doanh năm 2020 sẽ tăng 15.538.280.625 VND, năm 2018 và 2019 sẽ giảm lần lượt là 2.034.826.702 VND và 13.503.453.923 VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến các thuyết minh báo cáo tài chính riêng, trong đó mô tả thông tin cụ thể bổ sung cho báo cáo tài chính riêng như sau:

- Thuyết minh số 09 mô tả về việc Công ty tạm ghi nhận giá trị lợi thế khai thác dự án tại 60 Nguyễn Đức Cảnh vào giá trị vốn Nhà nước khi quyết toán cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Hanel theo Chứng thư thẩm định giá số 94/2018/CT-CPAVIETNAM ngày 14/4/2018 với giá trị tạm tính 107.630.761.325 VND. Giá trị lợi thế này có thể thay đổi theo kết quả thẩm định của Sở Tài chính.
- Thuyết minh số 22 mô tả về việc Công ty tạm chia cổ tức năm 2019 theo Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐQT-HANEL ngày 22/9/2020 và phối lợi nhuận (cho các quỹ) năm 2020 theo Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐQT-HANEL ngày 25/3/2021 của Hội đồng Quản trị. Công ty sẽ trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt vào kỳ đại hội thường niên năm 2021.
- Thuyết minh số 38.2 trình bày thông tin về việc điều chỉnh phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty Cổ phần Hanel theo Thông báo số 815/TB-UBND ngày 12/07/2019 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội; một số thửa đất, tài sản trên đất chưa được sắp xếp, xử lý nhà đất, theo đó, các lô, thửa đất và tài sản này có thể sẽ phải điều chỉnh (nếu có) theo các quyết định cụ thể của Cơ quan nhà nước.
- Thuyết minh số 38.3 trình bày thông tin chi tiết về việc áp dụng Công văn số 11458/BTC-TCNH ngày 26/10/2017 của Bộ Tài chính trong ghi nhận, sử dụng các khoản tiền lãi nhận được từ Grupo De La Electronica - Cộng hòa Cu Ba, thanh toán nợ vay tín dụng xuất khẩu cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam và việc ghi nhận doanh thu-chi phí tài chính trên cơ sở thận trọng theo dòng tiền thực tế thanh toán từ đối tác.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Các vấn đề cần nhấn mạnh (Tiếp theo)

- Thuyết minh số 39 trình bày thông tin về một số khoản tài sản và công nợ tiềm tàng liên quan đến khoản lãi phát sinh từ khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển N&G, giá trị lợi thế của hợp đồng hợp tác kinh doanh thực hiện dự án tại 409 Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội và giá trị lợi thế thu được từ diện tích 1.350 m² tại tầng 1, tầng lửng và diện tích 126 m² của 6 kiot tại Dự án đầu tư xây dựng nhà ở cao tầng 11, 12, 13 Nam Thành Công và văn phòng làm việc, giao dịch của Công ty tại số 165 Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề trên.



Nguyễn Đức Tiến

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2018-156-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021

Đặng Khánh Hòa

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 4378-2018-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		481.484.134.559	498.966.233.889
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	52.107.023.586	38.519.665.011
1. Tiền	111		7.462.430.277	4.738.652.609
2. Các khoản tương đương tiền	112		44.644.593.309	33.781.012.402
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	176.386.335.250	150.115.774.097
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		176.386.335.250	150.115.774.097
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		179.988.987.238	225.937.775.051
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	111.460.875.493	105.790.760.860
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	3.125.825.109	3.958.082.941
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	3.135.000.000	3.135.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	112.080.126.831	133.117.281.271
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(49.812.840.195)	(20.063.350.021)
IV. Hàng tồn kho	140	11	35.586.490.615	43.247.750.671
1. Hàng tồn kho	141		35.586.490.615	43.247.750.671
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		37.415.297.870	41.145.269.059
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	252.399.385	1.422.162.980
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		37.161.006.582	39.723.106.079
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	17	1.891.903	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.243.697.325.754	2.258.362.384.821
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		108.630.761.325	108.630.761.325
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	108.630.761.325	108.630.761.325
II. Tài sản cố định	220		32.724.688.529	41.125.985.903
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	32.724.688.529	41.089.939.524
- Nguyên giá	222		167.782.950.776	167.995.142.866
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(135.058.262.247)	(126.905.203.342)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	36.046.379
- Nguyên giá	228		133.204.500	133.204.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(133.204.500)	(97.158.121)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.027.972.251.126	1.021.334.593.815
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	1.027.972.251.126	1.021.334.593.815
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	1.073.877.421.808	1.079.163.545.518
1. Đầu tư vào công ty con	251		338.528.145.690	338.528.145.690
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		701.770.141.559	707.291.519.916
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		53.440.463.797	44.835.685.440
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(19.861.329.238)	(11.491.805.528)
V. Tài sản dài hạn khác	260		492.202.966	8.107.498.260
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	492.202.966	8.107.498.260
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.725.181.460.313	2.757.328.618.710

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		724.278.567.530	735.980.186.735
I. Nợ ngắn hạn	310		474.788.658.197	370.913.109.871
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	35.803.056.427	33.753.945.609
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	13.814.373.037	19.566.016.781
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	24.365.098	300.272.081
4. Phải trả người lao động	314		1.826.207.178	1.371.976.518
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	15.402.127.840	14.208.160.888
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	1.699.766.751	3.154.460.099
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	271.143.731.312	271.678.023.612
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	128.688.082.877	23.051.860.527
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.386.947.677	3.828.393.756
II. Nợ dài hạn	330		249.489.909.333	365.067.076.864
1. Phải trả người bán dài hạn	331	15	12.312.043.353	12.312.043.353
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	19	32.031.964.064	33.726.730.976
3. Phải trả dài hạn khác	337	20	12.916.732.996	12.906.732.996
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	192.229.168.920	306.121.569.539
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.000.902.892.783	2.021.348.431.975
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	2.000.902.892.783	2.021.348.431.975
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.926.000.000.000	1.926.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.926.000.000.000	1.926.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(17.944.000)	(17.944.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		48.334.282.505	42.304.503.926
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		26.586.554.278	53.061.872.049
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		15.312.624.849	15.127.169.441
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		11.273.929.429	37.934.702.608
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.725.181.460.313	2.757.328.618.710

(Handwritten signatures in blue ink)



Trần Thu Loan
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021

Lữ Thị Khánh Trân
Trưởng Phòng Kế toán - Tài vụ

Bùi Thị Hải Yến
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	344.007.256.039	357.318.552.506
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	4.106.400
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	26	344.007.256.039	357.314.446.106
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	332.171.858.402	334.418.298.510
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		11.835.397.637	22.896.147.596
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	103.368.940.141	118.625.550.474
7. Chi phí tài chính	22	30	9.478.739.092	15.028.168.853
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		864.538.232	973.526.070
8. Chi phí bán hàng	25	31	744.212.567	132.291.600
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	80.979.098.354	66.606.899.580
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		24.002.287.765	59.754.338.037
11. Thu nhập khác	31	32	885.761.489	307.540.601
12. Chi phí khác	32	33	4.788.787.325	1.961.836.939
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(3.903.025.836)	(1.654.296.338)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		20.099.261.929	58.100.041.699
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		20.099.261.929	58.100.041.699

Trần Thu Loan
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021

Lữ Thị Khánh Trân
Trưởng Phòng Kế toán - Tài vụ



Bùi Thị Hải Yến
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	20.099.261.929	58.100.041.699
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	10.076.121.647	9.838.975.470
- Các khoản dự phòng	03	38.119.013.884	31.555.155.549
- (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	238.814.425	(418.505.511)
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(102.697.103.183)	(115.325.151.769)
- Chi phí lãi vay	06	864.538.232	973.526.070
- Các khoản điều chỉnh khác	07	2.115.863.886	933.145.766
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(31.183.489.180)	(14.342.812.726)
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09	(2.610.626.335)	(32.930.247.561)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10	7.661.260.056	(2.836.044.125)
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(6.610.413.016)	(164.467.219.148)
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	12	8.785.058.889	11.805.498.845
- Tiền lãi vay đã trả	14	(323.220.101)	(263.665.439)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(28.367.896.989)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	22.935.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(237.000.000)	(3.871.107.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(24.518.429.687)	(235.250.559.143)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(10.679.256.850)	(12.126.690.664)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	711.192.485	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(217.412.636.698)	(264.597.158.244)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	193.142.022.038	313.742.849.296
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.583.400.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	120.922.588.168	96.084.135.507
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	84.100.509.143	133.103.135.895
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(6.000.000)
2. Tiền thu từ đi vay	33	-	29.906.988.407
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(8.256.178.269)	(26.750.000.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(37.735.282.200)	(28.889.820.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(45.991.460.469)	(25.738.831.593)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	13.590.618.987	(127.886.254.841)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	38.519.665.011	166.411.560.699
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(3.260.412)	(5.640.847)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	52.107.023.586	38.519.665.011

Trần Thu Loan
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021

Lữ Thị Khánh Trân
Trưởng Phòng Kế toán - Tài vụ

Bùi Thị Hải Yến
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hanel (“Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty TNHH MTV Hanel theo Quyết định số 5812 ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Hanel.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 0100102206 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26 tháng 10 năm 2010; Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 5 ngày 06 tháng 09 năm 2019. Vốn điều lệ của Công ty là 1.926.000.000.000 VND (tương đương với 192.600.000 cổ phần theo mệnh giá 10.000 VND/cổ phần).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính, sản xuất phần mềm, xuất nhập khẩu và ủy thác nhập khẩu cho đơn vị kinh tế khác;
- Bất động sản, hạ tầng khu công nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các công ty con của Công ty bao gồm:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng kỳ)	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty CP HANEL Xốp nhựa	Hà Nội	56,28%	56,28%	Sản xuất, kinh doanh các mặt hàng từ nguyên liệu nhựa
Công ty CP Dịch vụ Khu Công nghiệp Hanel	Hà Nội	51,00%	51,00%	Quản lý khu công nghiệp
Công ty CP Đầu tư và Đào tạo Dạy nghề Hanel	Hà Nội	51,00%	51,00%	Đào tạo, dạy nghề
Công ty CP Công nghệ Thông tin Hanel	Hà Nội	66,23%	66,23%	Sản xuất thiết bị điện tử
Công ty CP Dịch vụ Điện tử Hanel	Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất thiết bị điện tử
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel	Hà Nội	64,59%	64,59%	Kinh doanh thương mại
Công ty CP Sản xuất Điện tử Công nghệ cao Hanel	Hà Nội	77,76%	77,76%	Sản xuất thiết bị điện tử
Công ty CP Truyền thông Hanel	Hà Nội	51,00%	51,00%	Cung cấp dịch vụ viễn thông
Công ty CP Giải pháp Phần mềm Hanel	Hà Nội	51,00%	51,00%	Cung cấp phần mềm
Công ty TNHH Dehaco	Hà Nội	90,00%	90,00%	Sản xuất điện tử, điện lạnh
Công ty TNHH ICD Hà Nội	Hà Nội	60,00%	60,00%	Khai thác kho, bãi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Các công ty liên kết, liên doanh của Công ty bao gồm:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty CP Đầu tư Thạch Bàn	Hà Nội	27,00%	27,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty CP Công nghệ Thè NACENCOMM	Hà Nội	20,00%	20,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Việt	Hà Nội	10,21%	10,21%	Xây dựng công trình dân dụng
Công ty CP Hanel Telecom	Hà Nội	48,39%	48,39%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Hanel Mobile	Hà Nội	41,49%	41,49%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Sản xuất, Gia công & XNK Hanel	Hà Nội	20,00%	20,00%	Sản xuất, mua bán, gia công sản phẩm điện tử
Công ty CP Phần mềm và Truyền thông Hanel	Hà Nội	30,00%	30,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Điện tử Hưng Phát	Hà Nội	30,00%	30,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Daeha	Hà Nội	30,00%	30,00%	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ
Công ty TNHH Trung tâm dữ liệu Hà Nội - CSF	Hà Nội	25,00%	25,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Truyền hình số Miền Bắc (tên cũ: Công ty CP Truyền dẫn, Phát sóng Truyền hình Đồng bằng Sông Hồng)	Hà Nội	30,00%	30,00%	Công nghệ thông tin, truyền thông
Công ty CP Vé Giao thông Công cộng Hà Nội	Hà Nội	25,00%	25,00%	Vận tải công cộng
Công ty TNHH Hệ thống Dây SUMI-HANEL	Hà Nội	30,00%	30,00%	Sản xuất và tiêu thụ mạng dây điện và điện tử cho CN ô tô
Công ty TNHH Đèn hình ORION Hanel	Hà Nội	30,00%	30,00%	Sản xuất thiết bị điện tử
Công ty TNHH Tiếp vận Thăng Long	Hà Nội	10,00%	10,00%	Điều hành trung tâm tiếp vận, điều hành kho bãi container, làm thủ tục hải quan, vận tải nội địa...
Công ty CP Công nghệ Hanel - DTT (i)	Hà Nội	100,00%	100,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin

Ghi chú:

- (i) Tỷ lệ sở hữu của Công ty vào Công ty CP Công nghệ Hanel - DTT được trình bày theo tỷ lệ thực góp.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền) theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Lãnh đạo, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Theo quy định tại Điều 28 Luật Kế toán số 88/2015/QH13, tài sản và công nợ được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm cuối năm. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Công ty áp dụng giá trị hợp lý theo chính sách kế toán như sau:

- a) *Các Công cụ tài chính không có giá niêm yết trên thị trường Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này cho mục đích trình bày trên báo cáo tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam không đưa ra hướng dẫn về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường;*
- b) *Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- c) *Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản đầu tư tài chính*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính riêng của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM: việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư vào các Công ty chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có của bên nhận đầu tư nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại bên nhận đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp hạch toán hàng tồn kho là kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian hữu dụng ước tính</u> (năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	06 - 28
Máy móc và thiết bị	06 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 06
Tài sản cố định khác	03 - 06

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Các khoản chi phí trả trước dài hạn là giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 (ba) năm.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả (Tiếp theo)**

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được chi trả cho người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng. Chi phí trợ cấp thôi việc cho nhân viên được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng tại thời điểm chi trả, nếu thực hiện trích trước vào chi phí thì số trợ cấp thôi việc phải trả phải trích trước tính đến ngày 31/12/2020 là 1.166.630.467 VND, đối với các cán bộ công nhân viên hiện đang làm việc có thời gian lao động tại Công ty từ ngày 31/12/2008 trở về trước. Công ty đã thực hiện trích trước số tiền dự phòng trợ cấp thôi việc vào kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ngày 27/6/2017, tuy nhiên không được cơ quan thuế và Chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm đó là UBND TP. Hà Nội chấp nhận là chi phí hợp lý và không được thực hiện bàn giao sang Công ty Cổ phần.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để phân phối lợi nhuận.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Lãnh đạo về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên liên quan trong năm của Công ty bao gồm:

- Các công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
- Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	2.059.038.975	2.020.226.264
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.403.391.302	2.718.426.345
Tương đương tiền (i)	44.644.593.309	33.781.012.402
Cộng	<u>52.107.023.586</u>	<u>38.519.665.011</u>

Ghi chú:

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 3 tháng trở xuống tại các Ngân hàng Thương mại.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	VND	VND	VND	VND
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	<u>176.386.335.250</u>	<u>176.386.335.250</u>	<u>150.115.774.097</u>	<u>150.115.774.097</u>
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	58.386.335.250	58.386.335.250	95.115.774.097	95.115.774.097
- Chứng chỉ tiền gửi (ii)	118.000.000.000	118.000.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000

Ghi chú:

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại từ trên 3 tháng đến 12 tháng tại các Ngân hàng Thương mại.

(ii) Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Số cuối năm						Số đầu năm					
	Giá gốc (i)		Giá trị sổ sách (ii)		Dự phòng		Giá gốc (i)		Giá trị sổ sách (ii)		Dự phòng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Đầu tư vào công ty con	270.718.558.500	338.528.145.690	17.228.049.333	17.228.049.333	270.718.558.500	338.528.145.690	9.252.328.361	270.718.558.500	338.528.145.690	9.252.328.361	270.718.558.500	338.528.145.690
Công ty CP Công nghệ Thông tin Hanel	5.100.000.000	5.714.681.600	-	-	5.100.000.000	5.714.681.600	-	5.100.000.000	5.714.681.600	-	5.100.000.000	5.714.681.600
Công ty CP Dịch vụ Điện tử Hanel	510.000.000	529.339.257	-	-	510.000.000	529.339.257	-	510.000.000	529.339.257	-	510.000.000	529.339.257
Công ty CP Dịch vụ Kiosk công nghiệp Hanel	510.000.000	582.759.945	190.381.775	190.381.775	510.000.000	582.759.945	190.381.775	510.000.000	582.759.945	190.381.775	510.000.000	582.759.945
Công ty CP Hanel Xốp nhựa	33.087.436.000	54.358.998.456	-	-	33.087.436.000	54.358.998.456	-	33.087.436.000	54.358.998.456	-	33.087.436.000	54.358.998.456
Công ty CP Truyền thông Hanel	15.300.000.000	15.559.722.810	-	-	15.300.000.000	15.559.722.810	-	15.300.000.000	15.559.722.810	-	15.300.000.000	15.559.722.810
Công ty CP Đầu tư và Đào tạo Dạy nghề Hanel	510.000.000	107.144.291	79.285.861	79.285.861	510.000.000	107.144.291	79.285.861	510.000.000	107.144.291	79.285.861	510.000.000	107.144.291
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel	15.300.000.000	18.881.815.199	8.040.648.747	8.040.648.747	15.300.000.000	18.881.815.199	4.268.569.427	15.300.000.000	18.881.815.199	4.268.569.427	15.300.000.000	18.881.815.199
Công ty CP Giải pháp Phần mềm Hanel	11.220.000.000	6.863.221.286	5.062.130.413	5.062.130.413	11.220.000.000	6.863.221.286	-	11.220.000.000	6.863.221.286	-	11.220.000.000	6.863.221.286
Công ty CP Sản xuất Điện tử Công nghệ cao Hanel	22.950.000.000	26.042.797.263	-	-	22.950.000.000	26.042.797.263	-	22.950.000.000	26.042.797.263	-	22.950.000.000	26.042.797.263
Công ty TNHH ICD Hà Nội	120.000.000.000	120.000.000.000	3.855.602.537	3.855.602.537	120.000.000.000	120.000.000.000	-	120.000.000.000	120.000.000.000	-	120.000.000.000	120.000.000.000
Công ty TNHH DEHACO	46.231.122.500	89.887.665.583	-	-	46.231.122.500	89.887.665.583	-	46.231.122.500	89.887.665.583	-	46.231.122.500	89.887.665.583
c) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	657.068.882.535	701.770.141.559	1.324.431.771	1.324.431.771	662.612.528.135	707.291.519.916	1.030.065.347	662.612.528.135	707.291.519.916	1.030.065.347	662.612.528.135	707.291.519.916
Công ty CP Biên Bạc	900.000.000	574.673.406	321.340.222	321.340.222	900.000.000	574.673.406	321.340.222	900.000.000	574.673.406	321.340.222	900.000.000	574.673.406
Công ty CP Điện tử Hưng Phát	600.000.000	600.000.000	600.000.000	600.000.000	600.000.000	600.000.000	600.000.000	600.000.000	600.000.000	600.000.000	600.000.000	600.000.000
Công ty CP Phần mềm và Truyền thông Hanel	-	-	-	-	-	-	98.772.818	-	-	98.772.818	-	-
Công ty CP Tân Tạo - Hanel	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Công ty CP Vé Giao thông Công cộng	500.000.000	517.776.481	-	-	500.000.000	517.776.481	-	500.000.000	517.776.481	-	500.000.000	517.776.481
Công ty CP Công nghệ Hanel - DTT	333.200.000	344.644.154	-	-	333.200.000	344.644.154	-	333.200.000	344.644.154	-	333.200.000	344.644.154
Công ty CP Công nghệ Thẻ Nacencomm	5.400.000.000	3.626.660.221	18.148.426	18.148.426	5.400.000.000	3.626.660.221	-	5.400.000.000	3.626.660.221	-	5.400.000.000	3.626.660.221
Công ty CP Daecha	151.861.443.000	343.526.073.021	-	-	151.861.443.000	343.526.073.021	-	151.861.443.000	343.526.073.021	-	151.861.443.000	343.526.073.021
Công ty CP Đầu tư Thạch Bàn	216.000.000.000	216.460.432.601	374.990.816	374.990.816	216.000.000.000	216.460.432.601	-	216.000.000.000	216.460.432.601	-	216.000.000.000	216.460.432.601
Công ty CP Sản xuất Gia công & XNK Hanel	800.000.000	11.139.488.720	-	-	800.000.000	11.139.488.720	-	800.000.000	11.139.488.720	-	800.000.000	11.139.488.720
Công ty CP Truyền hình số Miền Bắc	9.000.000.000	7.007.392.908	-	-	9.000.000.000	7.007.392.908	-	9.000.000.000	7.007.392.908	-	9.000.000.000	7.007.392.908
Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Việt	2.400.000.000	1.847.955.809	9.952.307	9.952.307	2.400.000.000	1.847.955.809	-	2.400.000.000	1.847.955.809	-	2.400.000.000	1.847.955.809
Công ty TNHH Hệ thống dây Sumi - Hanel	23.623.899.960	104.787.279.794	-	-	23.623.899.960	104.787.279.794	-	23.623.899.960	104.787.279.794	-	23.623.899.960	104.787.279.794
Công ty TNHH Tiếp vận Thăng Long	5.745.362.358	11.337.764.444	-	-	5.745.362.358	11.337.764.444	-	5.745.362.358	11.337.764.444	-	5.745.362.358	11.337.764.444
Công ty TNHH Trung tâm Dữ liệu Hà Nội - CSF	4.870.000.000	-	-	-	4.870.000.000	-	-	4.870.000.000	-	-	4.870.000.000	-
Công ty TNHH Đền hình Orion Hanel	232.234.967.217	-	-	-	232.234.967.217	-	-	232.234.967.217	-	-	232.234.967.217	-
Công ty CP Hanel Mobile	1.000.010.000	-	-	-	1.000.010.000	-	-	1.000.010.000	-	-	1.000.010.000	-
Công ty CP Hanel Telecom	1.800.000.000	-	-	-	1.800.000.000	-	-	1.800.000.000	-	-	1.800.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc (i)	Giá trị số sách (ii)	Dự phòng	Giá trị hợp lý (iii)	Giá gốc (i)	Giá trị số sách (ii)
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>d) Đầu tư vào đơn vị khác</i>	59.452.185.600	53.440.463.797	1.308.848.134		50.825.140.000	44.835.685.440
Công ty CP Đầu tư Hanel	1.200.000.000	1.831.271.207	-	(iii)	1.200.000.000	1.831.271.207
Công ty CP Đầu tư Phát triển N&G	3.000.000.000	3.000.000.000	1.209.411.820	(iii)	3.000.000.000	1.209.411.820
Công ty CP Viễn thông Hà Nội	18.000.000.000	3.425.144.017	-	(iii)	18.000.000.000	3.425.144.017
Công ty CP Đô thị Sinh thái Văn Nội	21.000.000.000	21.006.080.834	-	(iii)	21.000.000.000	21.006.080.834
Công ty CP Tự động hoá và Cơ khí Điện tử Hanel	510.000.000	804.165.656	-	(iii)	510.000.000	804.165.656
Công ty CP XNK Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam	227.500.000	306.974.126	-	(iii)	227.500.000	306.974.126
Công ty CP Bảo hiểm Petrolimex	6.887.640.000	14.462.049.600	-	(iii)	6.887.640.000	14.462.049.600
Công ty CP Biên Bạc	8.083.400.000	8.146.088.948	-	(iii)	-	-
Công ty CP Tân Tạo - Hanel	543.645.600	458.689.409	99.436.314	(iii)	-	-
Cộng	987.239.626.635	1.093.738.751.046	19.861.329.238		984.156.226.635	1.090.655.351.046

Ghi chú:

- (i) **Giá gốc khoản đầu tư:** Là giá trị đầu tư được ghi nhận theo giá trị trên báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Hanel trước khi thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá đã được điều chỉnh tăng tương ứng với các khoản góp vốn bổ sung sau thời điểm cổ phần hoá.
 - (ii) **Giá trị số sách:** Được xác định trên cơ sở giá trị xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần và theo Biên bản bán giao doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Hanel sang Công ty Cổ phần Hanel vào tháng 12 năm 2018. Do giá trị đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, công ty khác tại thời điểm chuyển đổi đã được tính ảnh hưởng từ lại có tức dự từ trước thời điểm xác định giá trị bán giao sang Công ty Cổ phần tại ngày 27/6/2017, theo đó các khoản có tức thuộc lợi nhuận phát sinh từ trước thời điểm ngày 28/06/2017 nhận về sẽ được bù trừ với phần đã tính ghi nhận vào giá trị ban đầu của các khoản đầu tư (Xác định giá trị doanh nghiệp chuyển giao cổ phần hoá).
 - (iii) **Giá trị hợp lý:** Ngoài các khoản đầu tư có giá niêm yết trên thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán thì giá trị hợp lý được xác định theo giá thị trường, đối với các khoản đầu tư còn lại, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.
- Giá trị trường của các khoản đầu tư vào các Công ty có cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày kết thúc kỳ báo cáo tài chính.
- Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Điện tử Hưng Phát, Công ty Cổ phần Phần mềm và Truyền thông Hanel, Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Việt, Công ty TNHH Tiếp vận Thăng Long (Công ty liên doanh, liên kết) và Công ty Cổ phần Đầu tư Hanelpad, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển N&G, Công ty Cổ phần Viễn thông Hà Nội, Công ty Cổ phần Tân Tạo - Hanel, Công ty Cổ phần Tự động hoá và Cơ khí điện tử Hanel (các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<i>Phải thu khách hàng ngắn hạn</i>	<i>111.460.875.493</i>	<i>105.790.760.860</i>
Thales Six GTS France SAS	33.725.526.301	5.120.862.767
Cubaelectronica Havana Cuba	20.562.441.989	20.629.391.550
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel	17.956.199.574	22.929.087.025
Công ty TNHH Điện tử Hoàn Kiếm	-	20.000.000.000
Corporacion Cimex S.A, Division de compras, Almacenaje Y Distribucion	12.685.273.146	12.726.575.316
Công ty CP Hanel Mobile	6.853.319.925	6.853.319.925
Công ty CP BOT Pháp Vân - Cầu Giẽ	4.711.963.012	4.711.963.012
Các đối tượng khác	14.966.151.546	12.819.561.265
<i>Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>25.514.006.671</i>	<i>30.567.543.756</i>
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel	17.956.199.574	22.929.087.025
Công ty CP Hanel Mobile	6.853.319.925	6.853.319.925
Công ty CP Điện tử Hưng Phát	296.150.000	296.150.000
Công ty CP Phần mềm và Truyền thông Hanel	106.401.343	106.401.343
Công ty CP Hanel Xốp nhựa	164.199.000	95.917.500
Công ty CP Công nghệ Thông tin Hanel	298.496	144.857.352
Các đối tượng liên quan khác	137.438.333	141.810.611

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	<i>3.125.825.109</i>	<i>3.958.082.941</i>
Công ty CP Truyền thông Hanel	1.734.260.000	2.255.660.000
Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam	786.500.000	786.500.000
Các đối tượng khác	605.065.109	915.922.941
<i>Trong đó: Trả trước cho người bán là bên liên quan</i>	<i>2.032.300.041</i>	<i>2.553.700.041</i>
Công ty CP Phần mềm và Truyền thông Hanel	298.040.041	298.040.041
Công ty CP Truyền thông Hanel	1.734.260.000	2.255.660.000

8. PHẢI THU CHO VAY

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<i>Phải thu cho vay ngắn hạn</i>	<i>3.135.000.000</i>	<i>3.135.000.000</i>
Công ty TNHH Trung tâm dữ liệu Hà Nội - CSF	3.135.000.000	3.135.000.000
<i>Trong đó: Phải thu cho vay là bên liên quan</i>	<i>3.135.000.000</i>	<i>3.135.000.000</i>
Công ty TNHH Trung tâm dữ liệu Hà Nội - CSF	3.135.000.000	3.135.000.000

Ghi chú:

Khoản phải thu cho vay Công ty TNHH Trung tâm Dữ liệu Hà Nội - CSF đã quá hạn từ lâu. Tại ngày 31/12/2020, Công ty đã trích lập dự phòng 100% khoản phải thu này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	112.080.126.831	2.592.919.626	133.117.281.271	390.450.000
Tạm ứng	2.106.855.767	-	2.589.744.890	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	3.990.000.000	-
- Công ty CP Công nghệ DTT	-	-	3.990.000.000	-
Phải thu khác	109.973.271.064	2.592.919.626	126.537.536.381	390.450.000
- Công ty CP Đầu tư Phát triển N&G (i)	102.920.788.809	-	102.920.788.809	-
- Công ty CP Công nghệ DTT	4.310.000.896	1.357.000.448	320.000.896	-
- Cubaelectronica Havana Cuba	822.497.615	246.749.284	585.583.828	-
- Corporacion Cimex S.A, Division de compras, Almacenaje Y Distribucion	507.410.834	355.187.584	509.062.920	-
- Công ty CP Daeha	-	-	21.000.000.000	-
- Các đối tượng khác	1.412.572.910	633.982.310	1.202.099.928	390.450.000
b) Dài hạn	108.630.761.325	-	108.630.761.325	-
Ký cược, ký quỹ	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Phải thu khác	107.630.761.325	-	107.630.761.325	-
- Giá trị lợi thế khai thác dự án tại 60 Nguyễn Đức Cảnh (ii)	107.630.761.325	-	107.630.761.325	-
Trong đó: Phải thu khác là bên liên quan	975.463.361	555.018.700	22.011.259.427	-
Công ty CP Daeha	-	-	21.000.000.000	-
Công ty TNHH ICD Hà Nội	170.852.518	-	85.426.259	-
Công ty CP Dịch vụ KCN Hanel	246.592.143	-	369.814.468	-
Công ty CP Hanel Mobile	390.450.000	390.450.000	390.450.000	-
Công ty CP Hanel Telecom	167.568.700	164.568.700	165.568.700	-

Ghi chú:

- (i) Bao gồm khoản gốc đặt cọc 86.757.000.000 VND theo Hợp đồng đặt cọc thuê lại đất số 31-05/HĐ-ĐC ngày 31/5/2017 và khoản lãi dự thu 16.163.788.809 VND từ hợp đồng đặt cọc của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển N&G tính đến ngày 27/06/2017 (thời điểm cổ phần hóa). Công ty chưa ghi nhận tăng doanh thu tài chính và phải thu khác từ ngày 28/6/2017 đến ngày 31/12/2020 do chưa chắc chắn về khả năng thu hồi khoản nợ này.

Đến thời điểm ngày 31/12/2020, Công ty N&G đã xác nhận công nợ phải trả theo số tiền nhận ứng vốn từ Hanel là 80.000.000.000 VND, không xác nhận lãi phát sinh từ giá trị này là 22.920.788.809 VND (gồm 6.757.000.000 VND đã chuyển sang hợp đồng đặt cọc và 16.163.788.809 VND giá trị lãi phát sinh đến thời điểm cổ phần hóa ngày 27/06/2017, tổng giá trị này đã ghi tăng phần vốn nhà nước khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa); hai bên vẫn chưa thống nhất được số liệu đối chiếu, và Công ty đang khởi kiện Công ty N&G.

- (ii) Giá trị lợi thế khai thác dự án tại 60 Nguyễn Đức Cảnh phát sinh từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 05 - 05/HANEL-HUD3-HTKD ngày 05/05/2016. Giá trị trên được ghi nhận theo Chứng thư thẩm định giá số 94/2018/CT-CPAVIETNAM ngày 14/4/2018 với giá trị tạm tính là 107.630.761.325 VND. Giá trị lợi thế này có thể thay đổi theo kết quả phê duyệt thẩm định của Sở Tài chính, Công ty có trách nhiệm nộp Nhà nước phần chênh lệch tăng sau khi trừ đi các chi phí liên quan (nếu có). Tại ngày 31/12/2020, Công ty chưa nhận bàn giao mặt bằng từ Dự án trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL

Số 02, phố Chùa Bộc, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

MÃ SỐ B09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

10. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm		Dự phòng	Dự phòng
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		
Cubaelectronica Havana Cuba	21.384.939.604	14.969.457.723	21.214.975.378	21.214.975.378	-	-
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel	17.956.199.574	-	17.956.199.574	13.909.832.382	9.019.254.643	9.019.254.643
Corporacion Cimex S.A, Division de compras, Almacenaje Y Distribucion	13.192.683.980	3.957.805.194	9.234.878.786	13.235.638.236	-	-
Công ty CP Hanel Mobile	7.243.769.925	-	7.243.769.925	7.243.769.925	7.243.769.925	7.243.769.925
Công ty CP Công nghệ DTT	5.525.000.896	2.953.000.448	2.572.000.448	1.535.000.896	-	-
Công ty CP Đầu tư Hanpad	4.230.438.825	2.115.219.412	2.115.219.413	4.530.438.825	-	-
Công ty TNHH Trung tâm dữ liệu Hà Nội - CSF	3.135.000.000	-	3.135.000.000	3.135.000.000	-	3.135.000.000
Công ty CP Phần mềm và Truyền thông Hanel	404.441.384	-	404.441.384	404.441.384	-	404.441.384
Công ty CP Điện tử Hưng Phát	296.150.000	-	296.150.000	296.150.000	148.075.000	148.075.000
Công ty CP Hanel Telecom	167.568.700	3.000.000	164.568.700	165.568.700	-	-
Công ty TNHH Kim loại Orion Hà Nội	131.837.475	65.918.737	65.918.738	263.916.450	-	-
Công ty XNK Bắc Kạn	89.507.402	-	89.507.402	89.507.402	89.507.402	89.507.402
Công ty CP Đầu tư Hanel	59.679.300	12.675.690	47.003.610	54.488.100	-	-
Công ty CP Giải pháp Phần mềm Hanel	46.603.333	5.862.999	40.740.334	46.603.333	23.301.666	23.301.667
Công ty CP Đào tạo Công nghệ Thăng Long	36.460.000	4.500.000	31.960.000	33.460.000	-	-
Cộng	73.900.280.398	24.087.440.203	49.812.840.195	75.178.045.654	55.114.695.633	20.063.350.021



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	88.880.582	-	88.880.582	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	35.298.680.174	-	42.959.940.230	-
Hàng hóa	198.929.859	-	198.929.859	-
Cộng	35.586.490.615	-	43.247.750.671	-

Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Dự án xây dựng bản đồ số, hệ thống khai thác dữ liệu giám sát hành trình và sản phẩm giao dịch vận tải	32.449.798.647	-	35.110.080.106	-
Dự án Camera giám sát tuyến đường Pháp Vân - Cầu Giẽ	1.390.586.987	-	1.196.895.133	-
Các dự án khác	1.458.294.540	-	6.652.964.991	-
Cộng	35.298.680.174	-	42.959.940.230	-

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	252.399.385	1.422.162.980
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	151.773.998	105.349.681
Các khoản khác	100.625.387	1.316.813.299
b) Dài hạn	492.202.966	8.107.498.260
Chi phí sửa chữa văn phòng	167.608.474	455.128.270
Chi phí đăng ký bảo hộ nhãn hiệu	5.846.062	43.587.469
Công cụ dụng cụ xuất dùng	23.427.751	71.465.760
Chi phí thuê đất tại KCN SDB	-	3.755.018.877
Giá trị lợi thế kinh doanh (i)	-	3.131.792.975
Các chi phí khác	295.320.679	650.504.909

Ghi chú:

- (i) Giá trị lợi thế kinh doanh được xác định theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thông báo kết quả kiểm toán số 869/TB-KTNN KV1 ngày 30/11/2018 của Kiểm toán Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN HANELSố 02, phố Chùa Bộc, phường Trung Tự, quận Đống Đa,
Thành phố Hà Nội.**MẪU SỐ B09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***13. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	126.702.984.638	29.466.056.294	10.876.574.181	44.409.091	905.118.662	167.995.142.866
Mua trong năm	-	-	1.674.824.273	-	-	1.674.824.273
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.887.016.363)	-	-	(1.887.016.363)
Số dư cuối năm	126.702.984.638	29.466.056.294	10.664.382.091	44.409.091	905.118.662	167.782.950.776

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Số dư đầu năm	91.351.766.288	24.508.281.126	10.255.642.716	11.369.551	778.143.661	126.905.203.342
Khấu hao trong năm	7.328.753.204	1.891.849.795	724.482.429	7.401.516	87.588.324	10.040.075.268
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.887.016.363)	-	-	(1.887.016.363)
Số dư cuối năm	98.680.519.492	26.400.130.921	9.093.108.782	18.771.067	865.731.985	135.058.262.247

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Số dư đầu năm	35.351.218.350	4.957.775.168	620.931.465	33.039.540	126.975.001	41.089.939.524
Số dư cuối năm	28.022.465.146	3.065.925.373	1.571.273.309	25.638.024	39.386.677	32.724.688.529

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao và còn sử dụng tại thời điểm ngày 31/12/2020 là 12.736.525.807 VND (tại thời điểm ngày 01/01/2020: 10.846.070.978 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Mua sắm TSCĐ	21.000.000	-
Chi phí gia hạn bảo hộ nhãn hiệu	21.000.000	-
b) Xây dựng cơ bản	1.027.951.251.126	1.021.334.593.815
Dự án khu Công viên Công nghệ phần mềm Hà Nội	978.150.142.108	969.217.620.911
Dự án Phạm Hùng (Tòa tháp TMĐT và VP Hanel) (i)	49.801.109.018	49.801.109.018
Dự án Công nghệ thông tin tập trung tại Quảng Ninh	-	2.315.863.886
Cộng	1.027.972.251.126	1.021.334.593.815

Ghi chú:

- (i) Công ty đã nộp tiền sử dụng đất với tổng số tiền là 38.914.200.000 VND cho diện tích đất tại Lô 2 - E9 - Phạm Hùng - Hà Nội (thuộc Dự án Đầu tư xây dựng trụ sở Công ty). Theo Thông báo số 815/TB-UBND ngày 12/07/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty Cổ phần Hanel: Địa điểm đất tại Lô 2 - E9 - Phạm Hùng không đưa vào phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty Cổ phần Hanel do không thuộc phạm vi sắp xếp theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP. Tại thời điểm lập báo cáo, Công ty sẽ làm việc với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để có phương án xử lý về các chi phí đã phát sinh tại Dự án Phạm Hùng trên.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn	35.803.056.427	35.803.056.427	33.753.945.609	33.753.945.609
Công ty CP Truyền thông Hanel	17.500.052.706	17.500.052.706	9.563.346.481	9.563.346.481
Công ty CP Biển Bạc	3.176.884.756	3.176.884.756	6.925.428.763	6.925.428.763
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Thăng Long	4.648.249.845	4.648.249.845	5.413.545.125	5.413.545.125
Công ty TNHH Giải pháp và Công nghệ GIS - VIETGIS	1.714.315.000	1.714.315.000	1.135.000.000	1.135.000.000
Công ty CP Công nghệ TKM Việt Nam	1.518.907.500	1.518.907.500	-	-
Công ty CP Sản xuất Điện tử Công nghệ cao Hanel	1.152.404.000	1.152.404.000	1.488.416.700	1.488.416.700
Công ty CP Giải pháp Phần mềm Hanel	1.142.100.000	1.142.100.000	1.142.100.000	1.142.100.000
Công ty CP Sông Đà 2	1.091.167.911	1.091.167.911	1.091.167.911	1.091.167.911
CTCP Phát triển Công trình Viễn thông	1.061.849.058	1.061.849.058	2.966.813.860	2.966.813.860
Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Việt	713.726.615	713.726.615	713.726.615	713.726.615
Các đối tượng khác	2.083.399.036	2.083.399.036	3.314.400.154	3.314.400.154
b) Phải trả người bán dài hạn	12.312.043.353	12.312.043.353	12.312.043.353	12.312.043.353
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Thăng Long	9.953.278.684	9.953.278.684	9.953.278.684	9.953.278.684
Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Việt	2.358.764.669	2.358.764.669	2.358.764.669	2.358.764.669

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN (TIẾP THEO)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Trong đó: Phải trả người bán là bên liên quan</i>	23.141.727.900	23.141.727.900	15.781.120.192	15.781.120.192
Công ty CP Sản xuất Điện tử Công nghệ cao Hanel	1.152.404.000	1.152.404.000	1.488.416.700	1.488.416.700
Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Việt	3.072.491.284	3.072.491.284	3.072.491.284	3.072.491.284
Công ty CP Giải pháp Phần mềm Hanel	1.142.100.000	1.142.100.000	1.142.100.000	1.142.100.000
Công ty CP Truyền thông Hanel	17.500.052.706	17.500.052.706	9.563.346.481	9.563.346.481
Công ty CP Dịch vụ KCN Hanel	-	-	265.853.000	265.853.000
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel	248.912.727	248.912.727	248.912.727	248.912.727
Các đối tượng khác	25.767.183	25.767.183	-	-

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<i>Người mua trả tiền trước</i>	13.814.373.037	19.566.016.781
Thales Six GTS France SAS	13.813.827.037	19.555.766.343
Các đối tượng khác	546.000	10.250.438

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
Thuế thu nhập cá nhân	264.111.281	866.050.936	1.130.162.217	-
Thuế tài nguyên	33.810.800	124.774.298	138.590.000	19.995.098
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	30.174.858.069	30.174.858.069	-
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.350.000	38.081.000	36.061.000	4.370.000
Cộng	300.272.081	31.207.764.303	31.483.671.286	24.365.098
b) Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	1.891.903	1.891.903
Cộng	-	-	1.891.903	1.891.903

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<i>Chi phí phải trả ngắn hạn</i>	<i>15.402.127.840</i>	<i>14.208.160.888</i>
Chi phí dự án Thales	1.504.150.566	1.521.983.851
Chi phí lãi vay	8.526.171.175	7.286.292.554
Chi phí dự án Giải pháp GTTM	1.451.273.333	1.602.536.364
Chi phí thẩm định giá	750.000.000	750.000.000
Dự phòng tiền lương	1.152.515.539	994.794.019
Trích trước chi phí thường tết	1.373.846.000	1.654.164.500
Chi phí phải trả khác	644.171.227	398.389.600
<i>Trong đó: Chi phí phải trả là bên liên quan</i>	<i>9.032.489.675</i>	<i>8.184.682.154</i>
Lãi vay phải trả Công ty TNHH Dehaco	6.586.258.796	5.710.221.731
Lãi vay phải trả Công ty CP Sản xuất Điện tử Công nghệ cao Hanel	1.167.760.199	1.189.430.293
Lãi vay phải trả Công ty CP Đầu tư Thạch Bàn	772.152.180	386.640.530
Chi phí dự án phải trả Công ty CP Giải pháp Phần mềm Hanel	-	500.000.000
Chi phí phải trả khác Công ty CP Dịch vụ KCN Hanel	506.318.500	398.389.600

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện phản ánh tiền thu trước từ hoạt động cho thuê đất, thuê mặt bằng tại Khu Công nghiệp Sài Đồng - Long Biên.

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<i>a) Phải trả khác ngắn hạn</i>	<i>271.143.731.312</i>	<i>271.678.023.612</i>
Kinh phí công đoàn	96.830.358	135.710.622
Bảo hiểm xã hội	46.723.877	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (i)	20.033.566.720	20.099.712.888
Phải trả quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp (ii)	244.173.659.937	244.173.659.937
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.792.950.420	7.268.940.165
- Công ty Cổ phần Viễn thông Hà Nội (TELECOM)	5.623.279.200	5.623.279.200
- Các đối tượng khác	1.169.671.220	1.645.660.965
<i>b) Phải trả khác dài hạn</i>	<i>12.916.732.996</i>	<i>12.906.732.996</i>
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel	1.000.000.000	1.000.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (iii)	11.916.732.996	11.906.732.996
<i>Trong đó: Phải trả khác là bên liên quan</i>	<i>1.002.150.000</i>	<i>1.000.000.000</i>
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel	1.000.000.000	1.000.000.000
Các đối tượng khác	2.150.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

20. PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(i) Khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn bao gồm 2 khoản:

- Khoản đặt cọc của Công ty TNHH Tháp Láng Hạ số tiền 20 tỷ đồng theo Thỏa thuận hợp tác số 02/TTHT/HANEL-TLH ngày 29/05/2017 ký giữa Công ty và Công ty TNHH Tháp Láng Hạ về việc “tăng vốn và thay đổi cơ cấu vốn điều lệ của Công ty TNHH ICD Hà Nội để thực hiện dự án điểm thông quan nội địa thành phố Hà Nội tại xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm, Hà Nội”. Theo thỏa thuận thì Công ty TNHH Tháp Láng Hạ sẽ thanh toán 40 tỷ đồng cho Công ty, trong đó đặt cọc trước 20 tỷ đồng, thanh toán cho Công ty 20 tỷ đồng còn lại sau khi có văn bản phê duyệt/ chấp thuận của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về đề án tăng vốn và thay đổi cơ cấu vốn điều lệ của Công ty TNHH ICD Hà Nội. Trong trường hợp đề án tăng vốn và thay đổi cơ cấu vốn không được Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận hoặc đề án được phê duyệt nhưng tỷ lệ của Công ty TNHH Tháp Láng Hạ thấp hơn 75%, Công ty sẽ phải hoàn trả lại 20 tỷ đồng đặt cọc. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản chấp thuận của UBND thành phố Hà Nội về phương án trên.
- Khoản nhận đặt cọc tiền thuê địa điểm của Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong với số tiền 33.566.720 VND.

(ii) Khoản hoàn nhập dự phòng và gốc Cuba phải trả về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.

Theo phụ lục trả nợ ký với Grupo De La Electronica ngày 04/7/2012, Grupo De La Electronica thanh toán cho Công ty số tiền gốc và lãi đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2019. Tại ngày 31/12/2020, Grupo De La Electronica đã chậm thanh toán với tổng số tiền là 23.578.191,25 USD. Công ty đã hạch toán sử dụng khoản dự phòng phải thu khó đòi Cuba số tiền 52.883.913.142 VND tương ứng với số tiền Công ty đã thực trả cho Ngân hàng Phát triển nhưng chưa thu được từ Cuba, đồng thời điều chỉnh giảm khoản Phải nộp Ngân sách Nhà nước căn cứ theo Công văn số 11458/BTC-TCNH ngày 26/10/2017.

(iii) Khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn bao gồm 2 khoản:

- Khoản đặt cọc của Công ty Cổ phần Viễn thông Hà Nội số tiền 11.906.732.996 VND theo Hợp đồng thuê nhà số 10/HĐ-TN, theo đó Công ty Cổ phần Viễn thông Hà Nội được quyền thuê nhà với thời hạn thuê là 20 năm từ ngày 02/05/2007;
- Khoản nhận đặt cọc tiền thuê địa điểm của Bà Đặng Thùy Linh với số tiền 10.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn từ các doanh nghiệp khác	23.051.860.527	23.051.860.527	-	-	23.051.860.527	23.051.860.527
Công ty CP Sản xuất Điện tử Công nghệ cao Hanel - bên liên quan (i)	22.451.860.527	22.451.860.527	-	-	22.451.860.527	22.451.860.527
Công ty CP Dịch vụ Điện tử Hanel - bên liên quan	600.000.000	600.000.000	-	-	600.000.000	600.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	105.636.222.350	105.636.222.350	105.636.222.350	-	-	-
Công ty TNHH Dehaco - bên liên quan (ii)	105.636.222.350	105.636.222.350	105.636.222.350	-	-	-
Tổng vay và nợ ngắn hạn	128.688.082.877	128.688.082.877	105.636.222.350	-	23.051.860.527	23.051.860.527
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
Vay dài hạn từ các doanh nghiệp khác	192.229.168.920	192.229.168.920	-	113.892.400.619	306.121.569.539	192.229.168.920
Công ty CP Đầu tư Thạch Bàn - bên liên quan (iii)	192.229.168.920	192.229.168.920	-	-	192.229.168.920	192.229.168.920
Công ty TNHH Dehaco - bên liên quan (ii)	-	-	-	113.892.400.619	113.892.400.619	-
Tổng vay và nợ dài hạn	192.229.168.920	192.229.168.920	-	113.892.400.619	306.121.569.539	192.229.168.920

Ghi chú:

(i) Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Sản xuất Điện tử Công nghệ cao Hanel bao gồm các hợp đồng sau:

- Hợp đồng vay vốn số 0701-2019/HĐVV-HANEL/KT ngày 07/01/2019, phụ lục 01 ngày 24/5/2019. Số tiền vay 6.877.260.201 VND, lãi suất 6%/năm, thời hạn 01 năm, mục đích vay để triển khai các dự án trọng điểm. Trong trường hợp Công ty CP Sản xuất Điện tử Công nghệ cao Hanel chưa có nhu cầu rút vốn, hợp đồng mặc nhiên được gia hạn.
- Hợp đồng vay vốn số 0401-2016/HĐVV - Hanel/KT ngày 04/01/2016, phụ lục 01 ngày 03/02/2018. Số tiền vay 6.315.360.694 VND, lãi suất 6%/năm, thời hạn 01 năm, mục đích vay để triển khai các dự án trọng điểm. Trong trường hợp Công ty CP Sản xuất Điện tử Công nghệ cao Hanel chưa có nhu cầu rút vốn, hợp đồng mặc nhiên được gia hạn.
- Hợp đồng vay vốn 01-2017/HĐVV-HANEL/KT ngày 03/01/2017, phụ lục 01 ngày 03/02/2018. Số tiền vay 9.259.239.632 VND, lãi suất 6%/năm, thời hạn 01 năm, mục đích vay để triển khai các dự án trọng điểm. Trong trường hợp Công ty CP Sản xuất Điện tử Công nghệ cao Hanel chưa có nhu cầu rút vốn, hợp đồng mặc nhiên được gia hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú (Tiếp theo):

- (ii) Vay dài hạn Công ty TNHH Dehaco theo Thỏa thuận điều chuyển vốn nhân rồi số 111-2014 ngày 29/08/2014, Thỏa thuận điều chuyển vốn nhân rồi số 1012-2014/HĐVV-HANEL/KT và Thỏa thuận điều chuyển vốn nhân rồi số 1006-2015/HĐVV-HANEL/KT cùng lãi suất là 6%/năm. Mục đích vay vốn để triển khai các dự án trọng điểm.

Số dư gốc đã được điều chỉnh tăng từ lãi cộng dồn của năm 2018 nhập gốc từ thời điểm ngày 01/01/2019 theo Điều 1 của các Phụ lục 06 số 111-2014/PLHĐ-HANEL/KT ngày 21/01/2019, Phụ lục 06 số 1012-2014/PLHĐ-HANEL/KT ngày 21/01/2019 và Phụ lục 04 số 1006-2015/PLHĐ-HANEL/KT ngày 21/01/2019.

Đồng thời khoản vay được gia hạn 15 tháng kể từ ngày 27/12/2019 theo các Điều 1 của các Phụ lục 07 số 111-2014/PLHĐ-HANEL/KT ngày 27/12/2019, Phụ lục 07 số 1012-2014/PLHĐ-HANEL/KT ngày 27/12/2019 và Phụ lục 05 số 1006-2015/PLHĐ-HANEL/KT ngày 27/12/2019.

- (iii) Vay dài hạn Công ty Cổ phần Đầu tư Thạch Bàn bao gồm 2 hợp đồng:

- Hợp đồng số 03/HĐ/ĐTTB ngày 12/6/2017, số tiền vay 135.000.000.000 VND, Lãi suất 0%/năm. Theo Phụ lục Hợp đồng vay vốn số 02/PLHĐ/ĐTTB ngày 01/11/2019: Thời gian cho vay tính từ thời điểm Công ty Cổ phần Hanel nhận được tiền cho đến hết ngày 31/12/2024; lãi suất cho vay 0,2%/năm tính từ ngày 01/01/2019; lãi được trả vào cuối kỳ hạn của Hợp đồng vay.
- Hợp đồng số 02/HĐ/ĐTTB ngày 01/07/2014 để bổ sung vốn lưu động, số tiền vay 70.220.000.000 VND, lãi suất cho vay 0%/năm. Theo Phụ lục Hợp đồng vay vốn số 01-02/PLHĐ/ĐTTB ngày 01/11/2019: Thời gian cho vay tính từ thời điểm Công ty Cổ phần Hanel nhận được tiền cho đến hết ngày 31/12/2024; lãi suất cho vay 0,2%/năm tính từ ngày 01/01/2019; lãi được trả vào cuối kỳ hạn của Hợp đồng vay.

Tuy nhiên, trong trường hợp Công ty Cổ phần Đầu tư Thạch Bàn căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh có nhu cầu sử dụng vốn để triển khai Dự án Khu đô thị hỗ trợ - Khu công nghiệp Sài Đồng B tại phường Thạch Bàn, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội phải thông báo trước 30 ngày cho Công ty Cổ phần Hanel thì Công ty Cổ phần Hanel phải hoàn trả tiền vay đầy đủ theo văn bản thông báo thu hồi tiền vay. Tại ngày 31/12/2020, Dự án Khu đô thị hỗ trợ vẫn đang trong giai đoạn hoàn thành hồ sơ pháp lý và giải phóng mặt bằng; chưa được bàn giao đất để thực hiện dự án. Theo đó Công ty đánh giá khoản vay trên là vay dài hạn.

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2019	1.926.000.000.000	(11.944.000)	24.874.491.416	15.169.053.844	1.966.031.601.260
Mua cổ phiếu quỹ	-	(6.000.000)	-	-	(6.000.000)
Lãi trong năm	-	-	-	58.100.041.699	58.100.041.699
Phân phối lợi nhuận	-	-	17.430.012.510	(20.485.339.987)	(3.055.327.477)
Tăng khác	-	-	-	320.180.896	320.180.896
Giảm khác	-	-	-	(42.064.403)	(42.064.403)
Số dư tại ngày 01/01/2020	1.926.000.000.000	(17.944.000)	42.304.503.926	53.061.872.049	2.021.348.431.975
Lãi trong năm	-	-	-	20.099.261.929	20.099.261.929
Chia cổ tức (i)	-	-	-	(37.749.247.200)	(37.749.247.200)
Phân phối lợi nhuận (ii)	-	-	6.029.778.579	(8.825.332.500)	(2.795.553.921)
Số dư tại ngày 31/12/2020	1.926.000.000.000	(17.944.000)	48.334.282.505	26.586.554.278	2.000.902.892.783

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Ghi chú:

- (i) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/6/2020 thông qua việc trích 100% lợi nhuận sau khi phân phối các quỹ theo quy định tại ngày 31/12/2019 để chi trả cổ tức năm 2019, số tiền 37.934.702.608 VND. Công ty đang thực hiện chia cổ tức năm 2019 theo Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐQT-HANEL ngày 22/9/2020 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc thông qua điều chỉnh phương án chi trả cổ tức năm 2019, theo đó tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2019 là 1,96%/ 01 cổ phiếu, tương đương 37.749.247.200 VND, số tiền còn lại 185.455.408 VND không chi hết sẽ chuyển chi trả cổ tức tiếp cho năm sau và sẽ xin phê duyệt chính thức của Đại hội đồng cổ đông trong kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.
- (ii) Phân phối lợi nhuận (cho các quỹ) năm 2020 theo Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐQT-HANEL ngày 25/3/2021 của Hội đồng Quản trị. Theo đó, Công ty tạm phân phối lợi nhuận (cho các quỹ) năm 2020 như sau:
- | | |
|------------------------------------|-------------------|
| - Trích quỹ đầu tư phát triển: | 6.029.778.579 VND |
| - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: | 2.473.957.316 VND |
| - Trích quỹ khen thưởng VCQL: | 321.596.605 VND |

Công ty sẽ xin phê duyệt chính thức của Đại hội đồng cổ đông trong kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ đã được bổ sung theo Quyết định số 1712/QĐ-UBND ngày 14/03/2017 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội là 1.926.000.000.000 VND. Chi tiết vốn điều lệ theo danh sách cổ đông như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Vốn đầu tư của Nhà nước	1.886.144.000.000	97,93%	1.886.144.000.000	97,93%
Vốn của các cổ đông khác	39.856.000.000	2,07%	39.856.000.000	2,07%
Cộng	1.926.000.000.000	100%	1.926.000.000.000	100%

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Ngoại tệ		
- USD	2.095,42	2.155,92
- EUR	1.858,96	33.548,55
2. Nợ khó đòi đã xử lý	2.163.049.301	2.163.049.301

24. BỘ PHẬN VỀ LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm các bộ phận sau:

- Bộ phận dự án
- Bộ phận bán hàng hóa: thiết bị điện tử
- Bộ phận cung cấp dịch vụ: chủ yếu hoạt động cho thuê đất, nhà xưởng...

Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

24. BỘ PHẬN VỀ LĨNH VỰC KINH DOANH (TIẾP THEO)

Năm nay	Doanh thu	Doanh thu	Doanh thu	Tổng
	bán hàng hóa	cung cấp dịch vụ	dự án	
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu	261.834.147.874	34.748.442.250	47.424.665.915	344.007.256.039
	261.834.147.874	34.748.442.250	47.424.665.915	344.007.256.039
Kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận	1.481.199.900	3.203.778.408	7.150.419.329	11.835.397.637
Chi phí không phân bổ				81.723.310.921
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(69.887.913.284)
Doanh thu từ hoạt động đầu tư				103.368.940.141
Chi phí từ hoạt động tài chính				(9.478.739.092)
Lãi/(Lỗ) khác				(3.903.025.836)
Lợi nhuận trước thuế				20.099.261.929
Thuế TNDN hiện hành				-
Lợi nhuận sau thuế				20.099.261.929
Năm trước	Doanh thu	Doanh thu	Doanh thu	Tổng
	bán hàng hóa	cung cấp dịch vụ	dự án	
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu	302.237.334.252	45.972.105.170	9.105.006.684	357.314.446.106
	302.237.334.252	45.972.105.170	9.105.006.684	357.314.446.106
Kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận	6.729.310.626	15.960.701.231	206.135.739	22.896.147.596
Chi phí không phân bổ				66.739.191.180
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(43.843.043.584)
Doanh thu từ hoạt động đầu tư				118.625.550.474
Chi phí từ hoạt động tài chính				(15.028.168.853)
Lãi/(Lỗ) khác				(1.654.296.338)
Lợi nhuận trước thuế				58.100.041.699
Thuế TNDN hiện hành				-
Lợi nhuận sau thuế				58.100.041.699

25. BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Các hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra tại Hà Nội, các khu vực địa lý còn lại chiếm tỷ trọng không đáng kể, theo đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

26. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu dự án	47.424.665.915	9.105.006.684
- Doanh thu bán hàng hoá	261.834.147.874	302.237.334.252
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	34.748.442.250	45.976.211.570
	344.007.256.039	357.318.552.506
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Giảm giá hàng bán	-	4.106.400
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	344.007.256.039	357.314.446.106

CÔNG TY CỔ PHẦN HANELSố 02, phố Chùa Bộc, phường Trung Tự, quận Đống Đa,
Thành phố Hà Nội**MẪU SỐ B09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn dự án	40.274.246.586	8.898.870.945
Giá vốn cung cấp hàng hoá	260.352.947.974	295.508.023.626
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	31.544.663.842	30.011.403.939
	<u>332.171.858.402</u>	<u>334.418.298.510</u>

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nhân công	17.106.801.138	18.765.457.084
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.716.415.843	9.838.975.470
Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.256.034.957	55.144.836.444
Chi phí khác bằng tiền	32.894.497.661	4.672.891.169
Chi phí dự phòng	29.907.211.694	20.063.350.021
Cộng	<u>145.880.961.293</u>	<u>108.485.510.188</u>

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.163.612.660	17.919.650.123
Cổ tức, lợi nhuận được chia	89.886.951.900	97.405.501.646
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	775.770.511	2.496.383.081
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	238.814.425	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	303.790.645	804.015.624
Cộng	<u>103.368.940.141</u>	<u>118.625.550.474</u>

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	864.538.232	973.526.070
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	8.369.523.710	11.491.805.528
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	244.677.150	1.840.478.913
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	485.125.465
Chi phí tài chính khác	-	237.232.877
Cộng	<u>9.478.739.092</u>	<u>15.028.168.853</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	5.730.777
Các khoản chi phí bán hàng khác	744.212.567	126.560.823
Cộng	744.212.567	132.291.600
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	16.279.545.353	18.917.769.047
Chi phí vật liệu quản lý	573.243.026	825.717.779
Chi phí đồ dùng văn phòng	418.998.106	389.387.402
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.696.084.873	1.484.331.437
Thuế, phí và lệ phí	16.138.339.006	2.039.425.626
Chi phí dự phòng phải thu	29.749.490.174	20.063.350.021
Chi phí dự phòng tiền lương	1.152.515.539	994.794.019
Chi phí hoàn nhập dự phòng tiền lương	(994.794.019)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.650.939.866	15.875.501.754
Chi phí bằng tiền khác	5.314.736.430	6.016.622.495
Cộng	80.979.098.354	66.606.899.580

32. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	646.538.623	-
Thu nhập khác	239.222.866	307.540.601
Cộng	885.761.489	307.540.601

33. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Khấu hao TSCĐ	1.359.705.804	1.359.705.804
Dự án CNTT tập trung tại Quảng Ninh (i)	2.315.863.886	-
Các khoản bị phạt	970.587.577	-
Chi phí khác	142.630.058	602.131.135
Cộng	4.788.787.325	1.961.836.939

Ghi chú:

- (i) Biên bản Nghị quyết họp Hội đồng Quản trị số 62a/2020/BBHĐQT-HANEL ngày 18/12/2020 của Công ty Cổ phần Hanel thông qua việc dừng thực hiện Dự án Công nghệ thông tin tập trung tại Quảng Ninh.

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	20.099.261.929	58.100.041.699
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(85.132.657.416)	(93.703.457.423)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	90.125.766.325	96.986.996.135
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	89.886.951.900	97.405.501.646
- Lãi/(Lỗ) chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	238.814.425	(418.505.511)
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	4.993.108.909	3.283.538.712
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	(65.033.395.487)	(35.603.415.724)
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (TIẾP THEO)

Ngoài các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được trừ trên, Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không còn sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

35. LỖ VÀ THỜI GIAN CHUYỂN LỖ

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có các khoản lỗ tính thuế có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản lỗ lũy kế	100.636.811.211	35.603.415.724
Lỗ lũy kế được chuyển lỗ trong tương lai	100.636.811.211	35.603.415.724

Kế hoạch chuyển lỗ các khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2020 phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh trong tương lai của Công ty. Do Công ty chưa dự tính được khi nào sẽ có lợi nhuận để chuyển lỗ trong thời gian tới nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại ương ứng trên báo cáo tài chính này. Các khoản lỗ này sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

<u>Năm phát sinh lỗ</u>	<u>Thời hạn chuyển lỗ</u>	<u>Số lỗ phát sinh</u>	<u>Số lỗ đã chuyển</u>	<u>Số lỗ còn được chuyển</u>	<u>Tình trạng</u>
		VND	VND	VND	
2019	2020 - 2024	35.603.415.724	-	35.603.415.724	Chưa được cơ quan thuế kiểm tra quyết toán thuế
2020	2021 - 2025	65.033.395.487	-	65.033.395.487	Chưa được cơ quan thuế kiểm tra quyết toán thuế
Cộng		100.636.811.211	-	100.636.811.211	

36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong năm:

- Không bao gồm: (i) 24.999.700.226 VND là số tiền dùng để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác phát sinh trong năm nay và các năm trước mà chưa được thanh toán (năm 2019 là 25.015.747.016 VND), vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần Tăng, giảm các khoản phải trả; và (ii) 200.000.000 VND là số tiền dùng để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác phát sinh trong năm nay mà không phải thanh toán, vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần Các khoản điều chỉnh khác.
- Bao gồm: (i) 765.295.280 VND là số tiền dùng để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác phát sinh trong các năm trước được thanh toán trong năm nay, vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả; và (ii) 1.400.838.967 VND và 5.394.733.731 VND lần lượt là số tiền dùng để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác phát sinh trong năm nay và các năm trước được bù trừ với khoản phải thu khách hàng và cổ tức phải thu, theo đó, các giá trị này lần lượt được ghi nhận tương ứng trong các chỉ tiêu Tăng, giảm các khoản phải thu và Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (TIẾP THEO)

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm:

- Không bao gồm: (i) 1.999.946.493 VND là số lãi nhập gốc của các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng; và (ii) 500.000.000 VND là số được bù trừ với tiền góp vốn đầu tư. Vì vậy một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh lần lượt trên các chỉ tiêu Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác và Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.
- Bao gồm: (i) 21.048.750.000 VND là khoản cổ tức được chia trong năm trước nhưng được thanh toán trong năm nay, vì vậy một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu; và (ii) 8.256.178.269 VND, 755.816.700 VND và 5.394.733.731 VND lần lượt là số được bù trừ với gốc vay phải trả, phải trả người bán và tiền lãi vay vốn hóa phải trả, theo đó, giá trị này lần lượt được ghi nhận tương ứng trong các chỉ tiêu Tiền trả nợ gốc vay, Tăng, giảm các khoản phải trả và Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác.

Tiền lãi vay đã trả trong năm bao gồm 323.220.101 VND là số được bù trừ với công nợ phải thu cổ tức. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia.

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm 13.965.000 VND là số cổ tức chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 21 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	320.917.251.797	329.173.430.066
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(52.107.023.586)	(38.519.665.011)
Nợ thuần	268.810.228.211	290.653.765.055
Vốn chủ sở hữu	2.000.902.892.783	2.021.348.431.975
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,13	0,14

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	52.107.023.586	38.519.665.011	52.107.023.586	38.519.665.011
Phải thu khách hàng và phải thu khác	283.387.067.687	328.020.708.545	283.387.067.687	328.020.708.545
Đầu tư tài chính ngắn hạn	176.386.335.250	150.115.774.097	176.386.335.250	150.115.774.097
Tổng cộng	511.880.426.523	516.656.147.653	511.880.426.523	516.656.147.653
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	320.917.251.797	329.173.430.066	320.917.251.797	329.173.430.066
Phải trả người bán và phải trả khác	332.175.564.088	330.650.745.570	332.175.564.088	330.650.745.570
Chi phí phải trả	15.402.127.840	14.208.160.888	15.402.127.840	14.208.160.888
Tổng cộng	668.494.943.725	674.032.336.524	668.494.943.725	674.032.336.524

Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Theo đó, Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính theo giá trị ghi sổ tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng như trình bày tại Thuyết minh số 3.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá cả của các loại hàng hóa, nguyên liệu. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	52.107.023.586	-	52.107.023.586
Phải thu khách hàng và phải thu khác	174.756.306.362	108.630.761.325	283.387.067.687
Đầu tư tài chính ngắn hạn	176.386.335.250	-	176.386.335.250
Tổng cộng	403.249.665.198	108.630.761.325	511.880.426.523
Số cuối năm			
Các khoản vay	128.688.082.877	192.229.168.920	320.917.251.797
Phải trả người bán và phải trả khác	306.946.787.739	25.228.776.349	332.175.564.088
Chi phí phải trả	15.402.127.840	-	15.402.127.840
Tổng cộng	451.036.998.456	217.457.945.269	668.494.943.725
Chênh lệch thanh khoản thuần	(47.787.333.258)	(108.827.183.944)	(156.614.517.202)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.519.665.011	-	38.519.665.011
Phải thu khách hàng và phải thu khác	219.389.947.220	108.630.761.325	328.020.708.545
Đầu tư tài chính ngắn hạn	150.115.774.097	-	150.115.774.097
Tổng cộng	408.025.386.328	108.630.761.325	516.656.147.653
Số đầu năm			
Các khoản vay	23.051.860.527	306.121.569.539	329.173.430.066
Phải trả người bán và phải trả khác	305.431.969.221	25.218.776.349	330.650.745.570
Chi phí phải trả	14.208.160.888	-	14.208.160.888
Tổng cộng	342.691.990.636	331.340.345.888	674.032.336.524
Chênh lệch thanh khoản thuần	65.333.395.692	(222.709.584.563)	(157.376.188.871)

Ban Lãnh đạo đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Lãnh đạo tin tưởng rằng: các nguồn tiền thu từ hoạt động kinh doanh và từ cổ tức trong năm tới và các năm tiếp theo có thể tạo ra đảm bảo nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

38. THÔNG TIN KHÁC

38.1 Thông tin về việc ký các hợp đồng thuê đất với Cơ quan Nhà nước

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đang thực hiện các thủ tục để ký lại hợp đồng thuê đất khi chuyển sang Công ty cổ phần.

38.2 Thông tin về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty

Theo Thông báo số 815/TB-UBND ngày 12/07/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty Cổ phần Hanel: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã chấp thuận đề xuất của Liên ngành về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty và giao các Sở liên quan triển khai thực hiện, phương án cụ thể:

- Cơ sở nhà, đất tại số 409 Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, Hà Nội và số 165 Thái Hà, quận Đống Đa, Hà Nội đang có tranh chấp; Ủy ban nhân dân thành phố chưa xem xét, phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất này. Sau khi cơ quan có thẩm quyền xử lý xong tranh chấp, Công ty Cổ phần Hanel có trách nhiệm thực hiện sắp xếp, xử lý cơ sở nhà, đất này theo quy định của pháp luật.
- Cơ sở nhà, đất tại E1 Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội: loại ra khỏi phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1451/QĐ-UBND ngày 24/3/2011 và Quyết định số 5812/QĐ-UBND ngày 30/10/2015. Việc quản lý, sử dụng cơ sở nhà, đất tại E1 Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội được thực hiện theo Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội được UBND Thành phố phê duyệt.
- Cơ sở nhà, đất tại Lô 2 - E9 - Phạm Hùng, quận Cầu Giấy, Hà Nội: không đưa vào phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty. Liên ngành đề nghị UBND thành phố giao Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu, báo cáo UBND Thành phố xem xét, quyết định giao đất, cho thuê đất đối với ô đất Lô 2, E9 Phạm Hùng, quận Cầu Giấy cho người sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty chưa nhận được quyết định của UBND TP. Hà Nội về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

38. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

38.3 Thông tin về việc ghi nhận khoản lãi thu được từ Grupo De La Electronica - nước Cộng Hòa Cu Ba

Áp dụng nguyên tắc thận trọng trong ghi nhận các khoản thanh toán nợ tồn đọng của đối tác tại Nước Cộng hòa Cu Ba theo các hợp đồng mua bán, Công ty đã nhất quán thực hiện:

- Công ty đã ghi nhận giảm nợ gốc tương ứng với toàn bộ số tiền Công ty thực nhận (bao gồm gốc, và một phần lãi chậm thanh toán);
- Số tiền nhận được từ Grupo De La Electronica từ kỳ tháng 3 năm 2018 (sau khi đã căn trừ hết nợ gốc đến kỳ tháng 02/2018) sẽ được sử dụng để trả lãi cho Ngân hàng Phát triển ("VDB");
- Giá trị còn lại sau khi trả lãi (trả hết nợ gốc và lãi cho VDB) sẽ được nộp toàn bộ về Ngân sách Nhà nước, không ghi nhận lợi nhuận và không được phân phối tại Công ty;
- Công ty chỉ ghi nhận các giao dịch (như trên) theo số tiền thực tế được đối tác chuyển tiền thanh toán về tài khoản của Công ty.

Tuy nhiên, từ kỳ tháng 8 năm 2018, Grupo De La Electronica chưa thanh toán cho Công ty. Tổng số tiền phải thu nhưng chưa thu được cho kỳ thanh toán từ tháng 8 năm 2018 đến hết năm 2019 theo Biên bản xác minh công nợ ngày 30/6/2019 là 23.578.191,25 USD. Theo đó, Công ty không ghi nhận khoản tiền phải thu trên vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm; Tương ứng Công ty cũng chưa ghi nhận Chi phí tài chính đối với giá trị tiền lãi đã trả cho VDB cho đợt thanh toán từ kỳ tháng 8 năm 2018 đến hết năm 2019 là 52.883.913.142 VND.

Số tiền đã thanh toán cho VDB được căn trừ (ghi giảm) số dư Phải trả Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp trên cơ sở hướng dẫn tại Công văn số 11458/-BTC-TCNH ngày 26/10/2017 của Bộ Tài chính gửi Thủ tướng Chính phủ và được chấp thuận "Trường hợp đến hạn trả nợ nhưng Công ty Hanel chưa nhận được tiền từ phía Cuba thanh toán, Công ty Hanel được tạm sử dụng dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản công nợ Cuba để thanh toán nợ vay tín dụng xuất khẩu. Khi phía Cuba trả nợ, Công ty Cổ phần Hanel phải hoàn nhập...". Công ty đang hạch toán sử dụng nguồn dự phòng phải thu khó đòi Cuba với số tiền 52.883.913.142 VND để thanh toán cho VDB, tương ứng giảm khoản Phải nộp Ngân sách Nhà nước - Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp. Chi tiết tại Thuyết minh 20 (ii).

39. TÀI SẢN VÀ CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

- (i) Ngoài giá trị nợ phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển N&G đã được ghi nhận là 102.920.788.809 VND (thuyết minh số 9), Công ty chưa ghi nhận giá trị tiền lãi phát sinh từ ngày 28/6/2017 đến ngày 31/12/2020 với giá trị khoảng 56.687.389.663 VND theo nguyên tắc thận trọng nguyên nhân do khoản công nợ phải thu này đã quá hạn thanh toán nhiều năm nhưng chưa thu được.
- (ii) Công ty chưa ghi nhận giá trị lợi thế của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 17/HĐHTKD-HANEL ký với Công ty TNHH Kinh doanh Nhà Vinh Hưng (ngày 10/10/2016 Công ty TNHH Kinh doanh Nhà Vinh Hưng đã chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình tại dự án 409 Lĩnh Nam cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Phát triển Nhà và đô thị Thăng Long Việt Nam) với số tiền 15 tỷ VND, nguyên nhân do Dự án đang phát sinh tranh chấp, chưa được UBND thành phố cho phép tiếp tục triển khai dự án. Giá trị lợi thế trên chưa được xác định để tăng vốn Nhà nước khi cổ phần hóa, Công ty sẽ ghi nhận khi nhận được giá trị này.
- (iii) Theo Bản án phúc thẩm số 35/2020/KDTM-PT công bố ngày 08/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc quyết định: hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 44/2019/KDTM-ST ngày 26/9/2019 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, chuyển toàn bộ hồ sơ cho Tòa án nhân dân quận Đống Đa giải quyết lại theo thủ tục chung.

Theo đó, Công ty chưa xác định giá trị lợi thế thu được từ diện tích 1.350 m² tại tầng 1, tầng lửng và diện tích 126 m² của 6 kiot tại Dự án đầu tư xây dựng nhà ở cao tầng I1, I2, I3 Nam Thành Công và văn phòng làm việc, giao dịch của Công ty Điện tử Hà Nội (nay là Công ty Cổ phần Hanel) tại số 165 Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội do hai bên hợp tác đầu tư có khiếu nại, tranh chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL

Số 02, phố Chùa Bộc, phường Trung Tự, quận Đống Đa,
Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

40. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán.



Trần Thu Loan
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021

Lữ Thị Khánh Trân
Trưởng Phòng Kế toán - Tài vụ

Bùi Thị Hải Yến
Tổng Giám đốc

